

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo 2
(Ngày 9/4/2026)

THÔNG TƯ

**Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản
kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo tài sản kết
cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Chương I**PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại Điều 1 Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (sau đây gọi là Nghị định số .../2026/NĐ-CP) là tài sản cố định và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với các trường hợp:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số .../2026/NĐ-CP.

b) Xác định tuổi thọ tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản, bảo trì tài sản.

c) Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch để thực hiện khai thác, xử lý theo quy định tại Nghị định số .../2026/NĐ-CP.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại Điều 4 Thông tư này thì thực hiện mở sổ theo dõi là công cụ, dụng cụ theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số .../2026/NĐ-CP.

2. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số .../2026/NĐ-CP.

3. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định số .../2026/NĐ-CP, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số .../2026/NĐ-CP.

4. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

Chương II

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Điều 3. Tiêu chuẩn nhận biết tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thỏa mãn đồng thời cả 02 tiêu chuẩn dưới đây là tài sản cố định:

a) Có thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên.

b) Có nguyên giá từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

2. Xác định tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Một hệ thống tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được thì hệ thống đó được xác định là một tài sản.

b) Trường hợp một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh thì phần tài sản được giao cho từng cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh là một tài sản.

3. Căn cứ đặc điểm kỹ thuật của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và thực tế tại địa phương, trên cơ sở đề xuất của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch và cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (nếu có), cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh (vai trò là cơ quan quản lý tài sản), cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xem xét, quyết định việc ghi sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thực hiện theo một hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh hoặc từng tài sản độc lập để cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh thực hiện việc ghi sổ kế toán.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định việc ghi sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thực hiện theo một hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh hoặc từng tài sản độc lập để cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh thực hiện việc ghi sổ kế toán.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại Điều 3 Thông tư này phải được lập hồ sơ tài sản để quản lý chặt chẽ về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan. Các chỉ tiêu về nguyên giá, hao mòn, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là số nguyên; trường hợp kết quả xác định các chỉ tiêu này là số thập phân thì được làm tròn theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại Điều 3 Thông tư này là một đối tượng ghi sổ kế toán. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải được phản ánh, ghi chép đầy đủ thông tin về nguyên giá, giá trị còn lại, hao mòn/khấu hao của tài sản trên sổ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không còn nhu cầu sử dụng nhưng chưa tính đủ hao mòn hoặc chưa khấu hao hết giá trị theo quy định thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định hiện hành và tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này cho đến khi được xử lý theo quy định.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã tính đủ hao mòn hoặc đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn tiếp tục sử dụng được thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh tiếp tục thực hiện quản lý, sử dụng, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định hiện hành và không phải tính hao mòn, trích khấu hao.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã tính đủ hao mòn hoặc đã khấu hao hết giá trị nhưng sau đó thuộc trường hợp phải thay đổi nguyên giá theo quy định tại Điều 6 Thông tư này thì phải tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định cho thời gian sử dụng còn lại (nếu có) sau khi thay đổi nguyên giá.

5. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được khai thác theo

phương thức cho thuê quyền khai thác thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi và tính hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư này trong thời gian cho thuê quyền khai thác.

6. Trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thì trong thời gian chuyển nhượng, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (bên chuyển nhượng):

a) Có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;

b) Không thực hiện tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định tại Thông tư này nhưng phải tiếp tục theo dõi nguyên giá tài sản đã hạch toán tại thời điểm chuyển nhượng trên sổ kế toán và trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán;

c) Khi hết thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (bao gồm cả trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn), cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản theo hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và quy định của pháp luật, thực hiện xác định lại nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 5, khoản 6 Điều 11 Thông tư này để thực hiện quản lý, sử dụng, tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định tại Nghị định số/2026/NĐ-CP và Thông tư này.

7. Trường hợp sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì trong thời gian bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản:

a) Có trách nhiệm theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.

b) Không thực hiện tính hao mòn, trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư này và phải tiếp tục theo dõi nguyên giá tài sản đã hạch toán tại thời điểm bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án và theo dõi trên Thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

c) Khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản theo quy định, xác định lại nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều 5, khoản 4 Điều 11 Thông tư này để thực hiện quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định tại Nghị định số .../2026/NĐ-CP và Thông tư này.

8. Trường hợp sử dụng một phần tài sản để khai thác hỗn hợp hoặc sử dụng vào mục đích quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Nghị định số/2026/NĐ-CP thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh (Bên có tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch) tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi và tính hao mòn đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy

định tại Thông tư này¹.

9. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Thực hiện kế toán đối với toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được giao quản lý theo quy định của chế độ kế toán hiện hành; thực hiện báo cáo tình hình tăng, giảm, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản theo quy định của pháp luật; bảo đảm số liệu tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh trên sổ kế toán phải phù hợp với số liệu báo cáo trên hệ thống cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. Trường hợp khác với số liệu báo cáo trên hệ thống cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thì phải chuẩn xác số liệu để cập nhật cho phù hợp².

b) Thực hiện kiểm kê tài sản định kỳ hằng năm; thực hiện tổng kiểm kê tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán nếu có chênh lệch phát sinh khi thực hiện kiểm kê nhằm đảm bảo số liệu trên sổ kế toán và số liệu thực tế của tài sản cố định khớp đúng.

c) Thực hiện báo cáo kê khai, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Điều 27 Nghị định số .../2026/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

Chương III NGUYÊN GIÁ, HAO MÒN, KHẤU HAO, GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

Điều 5. Xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hình thành từ mua sắm đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số .../2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên} \\ \text{giá tài} \\ \text{sản kết} \\ \text{cấu hạ} \\ \text{tầng cấp} \\ \text{nước sạch} \\ \text{do mua} \\ \text{sắm} \end{array} = \left[\begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{trị} \\ \text{ghi} \\ \text{trên} \\ \text{hóa} \\ \text{đơn} \end{array} - \left[\begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{chiết khấu} \\ \text{thương mại} \\ \text{hoặc giảm} \\ \text{giá hoặc} \\ \text{phạt người} \\ \text{bán (nếu} \\ \text{có)} \end{array} \right] + \left[\begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc} \\ \text{dỡ, chi phí} \\ \text{lắp đặt, chạy} \\ \text{thử} \end{array} - \left[\begin{array}{l} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{thu hồi} \\ \text{về sản} \\ \text{phẩm,} \\ \text{phế liệu} \\ \text{do chạy} \\ \text{thử} \end{array} \right] + \left[\begin{array}{l} \text{Các khoản thuế} \\ \text{(không bao gồm} \\ \text{các khoản thuế} \\ \text{được khấu trừ,} \\ \text{hoàn lại); các} \\ \text{khoản phí, lệ phí} \\ \text{theo quy định của} \\ \text{pháp luật về phí và} \\ \text{lệ phí} \end{array} \right] + \left[\begin{array}{l} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{khác} \\ \text{(nếu} \\ \text{có)} \end{array} \right] \right]$$

Trong đó:

¹ Để phù hợp với quy định tại dự thảo Nghị định đang trình Chính phủ tại Tờ trình số 1061/TTr-QLCS ngày 31/12/2025 (sử dụng một phần tài sản để khai thác hỗn hợp, vào mục đích khác như khắc phục hậu quả thiên tai...)

² Để đảm bảo đầy đủ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch; đồng thời đồng bộ với quy định tại các Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông.

a) Các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có) được trừ vào giá trị ghi trên hóa đơn chỉ được áp dụng trong trường hợp giá trị ghi trên hóa đơn bao gồm cả các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch mà cơ quan, đơn vị đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo tiêu chí cho phù hợp (như: diện tích, thể tích xây dựng, số lượng, giá trị ghi trên hóa đơn của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phát sinh chi phí chung/tiêu chí khác (nếu có)).

2. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hình thành từ đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số .../2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành là giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. Một số trường hợp đặc biệt được quy định như sau:

a) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã đưa vào sử dụng (do đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng) nhưng chưa có quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh thực hiện ghi sổ kế toán tài sản kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trị thẩm định quyết toán.
- Giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán.
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (Quyết toán A-B).
- Giá trị dự toán dự án được phê duyệt hoặc được điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).
- Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp tổng mức đầu tư được điều chỉnh).

Khi sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán, trường hợp giá trị mua sắm, đầu tư theo thẩm định quyết toán, đề nghị quyết toán, theo Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (Quyết toán A-B) hoặc theo tổng mức đầu tư, dự toán dự án là giá trị chung cho nhiều tài sản, hạng mục tài sản (không tách riêng cho từng tài sản, hạng mục tài sản) thì nguyên giá tạm tính của từng tài sản, hạng mục tài sản được phân bổ theo tiêu chí phù hợp (số lượng, dự toán chi tiết,...); trường hợp sử dụng Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu (Quyết toán A-B) để làm căn cứ xác định nguyên giá tạm tính thì sử dụng giá trị được xác định tại bảng tính gần nhất (đối với một hạng mục) hoặc tổng giá trị các bảng tính (đối với nhiều hạng mục).

Khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, cơ quan,

đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính trên sổ kế toán theo giá trị quyết toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định.

b) Trường hợp dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau nhưng không dự toán riêng, quyết toán riêng cho từng hạng mục, tài sản thì thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng/dự toán chi tiết, tiêu chí khác (nếu có)).

Trường hợp dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau, có dự toán riêng nhưng không quyết toán riêng cho từng hạng mục, tài sản thì thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo tỷ lệ tại dự toán chi tiết đối với từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán.

c) Đối với dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau mà được đầu tư, nghiệm thu theo từng hạng mục, tài sản thì hạng mục, tài sản nào đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng, nghiệm thu đưa vào sử dụng phải ghi sổ kế toán đối với hạng mục, tài sản đó kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng. Nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính theo quy định tại điểm a khoản này.

Khi quyết toán dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán, điều chỉnh sổ kế toán (đối với hạng mục, tài sản đã ghi sổ kế toán) theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng/dự toán chi tiết, tiêu chí khác (nếu có)).

d) Trường hợp giá trị quyết toán của dự án phải điều chỉnh theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền sau khi được thanh tra, kiểm toán thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh phải thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Trường hợp trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản khác (không thuộc tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại Điều 3 Thông tư này) thì phải loại trừ phần giá trị đầu tư vào tài sản khác trong giá trị quyết toán của dự án khi xác định nguyên giá tài sản.

3. Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển, chuyển giao của cơ quan, người có thẩm quyền kể từ ngày Nghị định số .../2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này) được xác định như sau:

Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được giao, nhận điều chuyển, chuyển giao	=	Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản	+	Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí lắp đặt, chạy thử	-	Các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử	+	Các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí	+	Chi phí khác (nếu có)
---	---	--	---	---	---	---	---	--	---	-----------------------

Trong đó:

a) Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định như sau:

a1) Đối với tài sản đã được theo dõi, ghi sổ kế toán, nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản là nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã được theo dõi, ghi sổ kế toán của cơ quan, đơn vị có tài sản giao, điều chuyển.

a2) Trường hợp tài sản chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản, cơ quan, đơn vị có tài sản có trách nhiệm đánh giá lại giá trị tài sản, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản. Trong đó:

- Trường hợp tài sản do các cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a3, a4 và a5 khoản này.

- Trường hợp tài sản do các cơ quan, đơn vị không phải là cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc đánh giá lại giá trị tài sản của các cơ quan, đơn vị đó. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a3, a4 và a5 khoản này.

a3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán nhưng có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

a4) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm a3 khoản này nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng, giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng thì nguyên giá để ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên giá ghi trên Biên bản} \\ \text{bàn giao, tiếp nhận tài sản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây} \\ \text{dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương} \\ \text{đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua mới của tài sản cùng loại áp dụng đối với tài sản không phải là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc là giá của tài sản mới cùng loại được bán trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

- Giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương áp dụng đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc được hình thành thông qua mua sắm) được xác định như sau:

Giá xây dựng mới của tài sản	=	Đơn giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) áp dụng tại thời điểm bàn giao đưa tài sản vào sử dụng	x	Diện tích, thể tích xây dựng/ Số lượng... của tài sản	+	Giá trị của các kết cấu khác gắn với công trình/hạng mục công trình (như: trần, sàn...) xác định theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) tại thời điểm bàn giao đưa tài sản vào sử dụng
------------------------------	---	--	---	---	---	---

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là một hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh (bao gồm nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị) thì nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản bằng tổng nguyên giá của nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị được xác định theo quy định tại điểm này.

a5) Trường hợp không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại các điểm a1, a2 và a3 khoản này thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại, thời gian tính hao mòn/trích khấu hao còn lại của tài sản phù hợp với quy định tại Điều 7 Thông tư này để ghi vào Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được giao, được điều chuyển mà cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thì cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản theo tiêu chí cho phù hợp (như: diện tích, thể tích xây dựng, số lượng, giá trị tài sản phát sinh chi phí chung...).

4. Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch khi kiểm kê phát hiện thừa được xác định theo công thức sau:

Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch khi kiểm kê phát hiện thừa	=	Nguyên giá ghi trên Biên bản kiểm kê	+	Các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí	+	Chi phí khác (nếu có)
---	---	--------------------------------------	---	--	---	-----------------------

Trong đó:

a) Nguyên giá ghi trên Biên bản kiểm kê được xác định như sau:

a1) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá trị đầu tư xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá ghi trên Biên bản kiểm kê được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

a2) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng của tài sản đó nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá trị đầu tư xây dựng, mua sắm mới tài sản cùng loại hoặc có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tương đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì nguyên giá ghi trên Biên bản kiểm kê được xác định

theo quy định tại điểm a3 khoản 3 Điều này.

a3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản theo quy định tại điểm a1, điểm a2 khoản này thì thực hiện theo quy định tại điểm a4 khoản 3 Điều này.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý mà đơn vị đã chi ra trong quá trình kiểm kê, xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch để ghi sổ kế toán.

c) Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thì đơn vị thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo tiêu chí cho phù hợp (như: Số lượng/khối lượng/chiều dài/diện tích/giá trị tài sản phát sinh chi phí chung...).

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do cơ quan, đơn vị tiếp nhận lại tài sản khi hết thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (bao gồm cả trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn) theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 4 Thông tư này thì nguyên giá tài sản được xác định lại bằng (=) nguyên giá đã hạch toán tại thời điểm chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cộng (+) giá trị đầu tư, nâng cấp, mở rộng (nếu có) theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả việc bù trừ phần giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ, nếu có); trong đó phần giá trị tăng thêm do đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt được xác định tương tự quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản sau khi hết thời gian tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 4 Thông tư này thì nguyên giá tài sản là giá trị tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của Chính phủ về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trong trường hợp tài sản phải xác lập quyền sở hữu toàn dân; trong trường hợp tài sản không phải xác lập quyền sở hữu toàn dân thì đối tượng quản lý tài sản thực hiện thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại nguyên giá của tài sản.

7. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Các trường hợp thay đổi (điều chỉnh) nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Đánh giá lại giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch khi thực hiện Tổng kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả trường hợp dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hiện có và

trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản không phải là cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản).

3. Tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (trong trường hợp giá trị bộ phận tài sản tháo dỡ đang được hạch toán chung trong nguyên giá tài sản), trừ trường hợp việc tháo dỡ để thay thế khi bảo trì công trình kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

4. Lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, trừ trường hợp lắp đặt để thay thế khi bảo trì công trình kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

5. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch bị mất một phần hoặc bị hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật về bảo trì hạ tầng cấp nước sạch hoặc được khôi phục lại thông qua bảo hiểm, bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan).

Điều 7. Xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong trường hợp thay đổi nguyên giá tài sản

Khi phát sinh việc thay đổi nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong các trường hợp quy định tại Điều 6 Thông tư này, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh thực hiện lập Biên bản ghi rõ lý do (trường hợp) thay đổi nguyên giá; đồng thời xác định lại chỉ tiêu nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch làm cơ sở xác định mức hao mòn, khấu hao, giá trị còn lại của tài sản để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện việc quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định tại Thông tư này.

Việc xác định lại nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với các trường hợp thay đổi nguyên giá quy định tại Điều 6 Thông tư này thực hiện như sau:

1. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được xác định lại theo hướng dẫn của cơ quan, người có thẩm quyền về kiểm kê, đánh giá lại tài sản.

2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán cộng (+) phần giá trị tăng thêm do nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. Trong đó, phần giá trị tăng thêm do nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt tương tự quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Trường hợp dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hiện có và trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản không phải là cơ quan, đơn vị đang quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thì phần giá trị tăng thêm do đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là phần giá trị đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong giá trị quyết

toán của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với trường hợp tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán trừ (-) phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tháo dỡ cộng (+) chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tháo dỡ mà cơ quan, đơn vị quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã chi ra tính đến thời điểm hoàn thành việc tháo dỡ để thay thế khi thực hiện bảo trì tài sản.

Trong đó, phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tháo dỡ được xác định như sau:

a) Trường hợp có hồ sơ xác định giá mua, giá trị quyết toán/ giá trị dự toán của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tháo dỡ thì phần giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ được xác định theo giá mua, giá trị quyết toán/giá trị dự toán của bộ phận tài sản tháo dỡ.

b) Trường hợp không có hồ sơ quy định tại điểm a khoản này nhưng phân bổ được nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho bộ phận tài sản tháo dỡ theo tiêu chí phù hợp (như: diện tích, thể tích xây dựng, số lượng, giá mua, dự toán/chỉ tiêu khác (nếu có)) thì phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tháo dỡ được xác định theo giá trị phân bổ.

c) Trường hợp không có hồ sơ quy định tại điểm a khoản này và không phân bổ được nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho bộ phận tài sản tháo dỡ thì xác định phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tháo dỡ là giá mua mới của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tháo dỡ trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

Trường hợp không xác định được giá mua mới của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tháo dỡ trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tháo dỡ làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản sau khi tháo dỡ.

4. Đối với trường hợp lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán cộng (+) phần giá trị tăng thêm do lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (+) chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt mà cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh đã chi ra tính đến thời điểm hoàn thành việc lắp đặt trừ việc lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản để thực hiện bảo trì tài sản.

Trong đó, phần giá trị tăng thêm do lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là giá trị tương ứng của bộ phận tài sản được lắp đặt thêm xác định theo các trường hợp tương ứng quy định tại Điều 5 Thông tư này.

5. Đối với trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư này thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại, thời gian tính hao mòn/trích khấu hao còn lại của tài sản phù hợp với quy định tại Điều 9 Thông tư này đối với tài sản bị thiệt hại để ghi trên Biên bản xác định việc thay đổi nguyên giá. Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong trường hợp này được xác định như sau:

$$\text{Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch} = \text{Giá trị còn lại của tài sản tại thời điểm xác định} \times \frac{\text{Tổng thời gian tính hao mòn/trích khấu hao của tài sản theo quy định tại Điều 9 Thông tư này (năm)}}{\text{Thời gian tính hao mòn/trích khấu hao còn lại của tài sản (năm)}}$$

6. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Nguyên tắc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại Điều 3 Thông tư này được giao cho cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh quản lý phải tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định tại Thông tư này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh không phải tính hao mòn, trích khấu hao đối với:

a) Tài sản chưa tính hết hao mòn, chưa trích khấu hao hết giá trị nhưng đã bị hư hỏng không thể sửa chữa để sử dụng được.

b) Tài sản đã tính đủ hao mòn, trích khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng được.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong thời gian tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định.

3. Việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

a) Thực hiện trên cơ sở các tiêu chí sau:

a1) Loại tài sản (Hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh/từng tài sản độc lập).

a2) Thời gian tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

a3) Tỷ lệ hao mòn, khấu hao.

a4) Kỳ kế toán theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải được trích khấu hao toàn bộ. Trường hợp việc trích khấu hao toàn bộ ảnh hưởng đến giá cung cấp nước sinh hoạt theo quy định thì thực hiện việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản như sau:

b1) Thực hiện tính hao mòn toàn bộ, không trích khấu hao.

b2) Vừa tính hao mòn vừa trích khấu hao và quy định cụ thể về tỷ lệ phần trăm (%) phân bổ mức tính hao mòn/trích khấu hao đối với từng tài sản.

3. Việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thực hiện như sau:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được tính hao mòn thì việc tính hao mòn thực hiện mỗi năm một lần vào ngày 31 tháng 12, trước khi khóa sổ kế toán.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được trích khấu hao thì việc trích khấu hao thực hiện theo tháng.

c) Căn cứ đặc điểm kỹ thuật của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, quy mô công trình, công nghệ cấp nước, xử lý nước, vật liệu đường ống, đặc điểm kinh tế, xã hội của từng địa phương; căn cứ vào khung thời gian tính hao mòn/trích khấu hao, khung tỷ lệ hao mòn/khấu hao quy định tại Thông tư này và thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thời gian tính hao mòn, trích khấu hao và tỷ lệ hao mòn, khấu hao cụ thể đối với từng đối tượng ghi sổ kế toán, đảm bảo phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá nước sạch được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định thời gian tính hao mòn, trích khấu hao và tỷ lệ hao mòn, khấu hao cụ thể đối với từng đối tượng ghi sổ kế toán thuộc phạm vi quản lý.

Trường hợp cần thiết áp dụng việc trích khấu hao khác với quy định tại Thông tư này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc trích khấu hao cho phù hợp.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch mà cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh tiếp nhận từ cơ quan, tổ chức, đơn vị khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong năm thì việc tính hao mòn trong năm đó được thực hiện tại cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh tiếp nhận tài sản.

Điều 9. Danh mục tài sản, khung thời gian tính hao mòn, trích khấu hao và tỷ lệ tính hao mòn, trích khấu hao

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung:

a) Trường hợp đối tượng ghi sổ kế toán là hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh:

STT	Loại tài sản	Khung thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Khung tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)
1	Hệ thống công trình cấp nước bơm dẫn	10 - 30	3,33 - 10
2	Hệ thống công trình cấp nước tự chảy		
3	Hệ thống công trình cấp nước hồ treo		

b) Trường hợp đối tượng ghi sổ kế toán là từng tài sản độc lập:

STT	Loại tài sản	Khung thời gian tính hao mòn/ trích khấu hao (năm)	Khung tỷ lệ hao mòn/khấu hao (%/năm)
1	Công trình khai thác nước	10 - 30	3,33 - 10
2	Công trình xử lý nước		
3	Mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch		
4	Thiết bị đo đếm nước	5 - 15	6,67 - 20
5	Các công trình phụ trợ có liên quan	10 - 30	3,33 - 10

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị:

a) Trường hợp đối tượng ghi sổ kế toán là hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh

STT	Loại tài sản	Khung thời gian trích khấu hao (năm)	Khung tỷ lệ khấu hao (%/năm)
	Hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh	10 - 30	3,33 - 10

b) Trường hợp đối tượng ghi sổ kế toán là từng tài sản độc lập

STT	Loại tài sản	Khung thời gian trích khấu hao (năm)	Khung tỷ lệ khấu hao (%/năm)
1	Công trình khai thác nước	10 - 30	3,33 - 10
2	Công trình xử lý nước		
3	Mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch		
4	Thiết bị đo đếm nước	5 - 15	6,67 - 20
5	Các công trình phụ trợ có liên quan	10 - 30	3,33 - 10

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được xác định là tài sản

liên quan đến bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị (bao gồm tài sản là hệ thống/độc lập) theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, pháp luật có liên quan mà thời gian sử dụng của từng bộ phận trong hệ thống là khác nhau hoặc giải pháp kỹ thuật công nghệ làm ảnh hưởng đến thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn, khấu hao của tài sản mà cần thiết phải quy định thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn, khấu hao khác với quy định tại Thông tư này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể (trường hợp cần thiết lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị), Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn) trước khi quyết định) đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

Điều 10. Phương pháp tính hao mòn, khấu hao

1. Mức hao mòn, khấu hao:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được tính hao mòn ~~toàn~~ bộ thì mức hao mòn hàng năm của từng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hao mòn hàng} \\ \text{năm của tài sản kết cấu} \\ \text{hạ tầng cấp nước sạch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá của tài} \\ \text{sản} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hao mòn} \\ \text{(\%/năm)} \end{array}$$

Trong đó:

- Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được xác định theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này.

- Tỷ lệ hao mòn được xác định theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được trích khấu hao thì mức khấu hao hàng tháng của từng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức khấu hao hàng} \\ \text{tháng của tài sản kết cấu} \\ \text{hạ tầng cấp nước sạch} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Nguyên giá của tài sản} \times \text{Tỷ lệ khấu hao (\%/năm)} \end{array}}{12 \text{ tháng}}$$

Trong đó:

- Nguyên giá của tài sản được xác định theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này.

- Tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch vừa tính hao mòn vừa trích khấu hao thì mức hao mòn, khấu hao hàng tháng của từng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được tính theo các công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hao mòn} \\ \text{hàng tháng của} \\ \text{tài sản kết cấu} \end{array} = \left[\begin{array}{l} \text{Nguyên} \\ \text{giá của} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hao} \\ \text{mòn (\%/năm)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ (\%) phân bổ mức} \\ \text{tính hao mòn} \end{array} \right] : 12 \text{ tháng}$$

hạ tầng cấp
nước sạch

tài sản

$$\text{Mức khấu hao hàng tháng của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch} = \left[\text{Nguyên giá của tài sản} \times \text{Tỷ lệ khấu hao (\%/năm)} \times \text{Tỷ lệ (\%) phân bổ mức trích khấu hao} \right] : 12 \text{ tháng}$$

Trong đó:

- Nguyên giá của tài sản được xác định theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này.

- Tỷ lệ hao mòn/khấu hao được xác định theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

- Tỷ lệ (%) phân bổ mức tính hao mòn/trích khấu hao được xác định theo quy định tại điểm b2 khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

2. Số hao mòn lũy kế, số khấu hao đã trích:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được tính hao mòn toàn bộ thì số hao mòn lũy kế được tính theo công thức:

$$\text{Số hao mòn lũy kế đến năm (n)} = \text{Số hao mòn lũy kế đến năm (n-1)} + \text{Số hao mòn tài sản tăng trong năm (n)} - \text{Số hao mòn tài sản giảm trong năm (n)}$$

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được trích khấu hao toàn bộ thì số khấu hao đã trích được tính theo công thức:

$$\text{Số khấu hao đã trích đến kỳ kế toán (t)} = \text{Số khấu hao đã trích đến kỳ kế toán (t-1)} + \text{Số khấu hao tài sản tăng trong kỳ kế toán (t)} - \text{Số khấu hao tài sản giảm trong kỳ kế toán (t)}$$

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch vừa tính hao mòn vừa trích khấu hao thì số hao mòn lũy kế và số khấu hao đã trích được tính theo công thức:

$$\begin{aligned} \text{Số hao mòn lũy kế/khấu hao đã trích đến kỳ kế toán (t)} &= \text{Số hao mòn lũy kế/khấu hao đã trích đến kỳ kế toán (t-1)} + \text{Số hao mòn/khấu hao tài sản tăng trong kỳ kế toán (t)} - \text{Số hao mòn/khấu hao tài sản giảm trong kỳ kế toán (t)} \end{aligned}$$

3. Mức tính hao mòn, trích khấu hao cho năm cuối cùng/kỳ kế toán cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được tính hao mòn toàn bộ thì mức tính hao mòn cho năm cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản được tính theo công thức:

$$\text{Mức tính hao mòn cho} = \text{Nguyên giá} - \text{Số hao mòn lũy kế đến}$$

năm cuối cùng

của tài sản

trước năm cuối cùng xác
định theo quy định tại điểm
a khoản 2 Điều này

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được trích khấu hao toàn bộ thì mức trích khấu hao cho kỳ kế toán cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao cho kỳ} \\ \text{kế toán cuối cùng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá} \\ \text{của tài sản} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số khấu hao đã trích tính} \\ \text{đến trước kỳ kế toán cuối} \\ \text{cùng xác định theo quy} \\ \text{định tại điểm b khoản 2} \\ \text{Điều này} \end{array}$$

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung vừa tính hao mòn vừa trích khấu hao thì mức tính hao mòn/trích khấu hao cho kỳ kế toán cuối cùng của thời gian sử dụng tài sản được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức tính hao mòn/trích} \\ \text{khấu hao cho kỳ kế toán} \\ \text{cuối cùng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá} \\ \text{của tài sản} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số hao mòn lũy kế/khấu} \\ \text{hao đã trích tính đến trước} \\ \text{kỳ kế toán cuối cùng xác} \\ \text{định theo quy định tại điểm} \\ \text{c khoản 2 Điều này} \end{array}$$

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được giao, nhận điều chuyển, nhận chuyển giao quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này nhưng chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch khi thực hiện kiểm kê phát hiện thừa theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này thì cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh tiếp nhận tài sản giao, nhận điều chuyển, nhận chuyển giao có trách nhiệm tính hao mòn, trích khấu hao tài sản từ năm tiếp nhận tài sản đưa vào sử dụng để ghi sổ kế toán; mức hao mòn, mức khấu hao hàng năm của tài sản kể từ sau năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh được xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.

Riêng năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh (năm tiếp nhận tài sản/năm thực hiện kiểm kê phát hiện thừa) thì mức hao mòn, khấu hao của tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hao} \\ \text{mòn, khấu} \\ \text{hao của năm} \\ \text{đầu tiên ghi} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức hao mòn,} \\ \text{khấu hao hàng} \\ \text{năm của tài sản} \\ \text{xác định theo} \\ \text{công thức quy} \\ \text{định tại khoản 1} \\ \text{Điều này} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao} \\ \text{mòn, trích khấu} \\ \text{hao của tài sản} \\ \text{cùng loại theo quy} \\ \text{định tại khoản 1} \\ \text{Điều 10 Thông tư} \\ \text{này (năm)} \end{array} \right) - \left(\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao} \\ \text{mòn, trích khấu hao} \\ \text{còn lại của tài sản theo} \\ \text{quy định hoặc thời gian} \\ \text{tính hao mòn, trích} \\ \text{khấu hao còn lại của tài} \\ \text{sản theo đánh giá lại} \\ \text{(năm)} \end{array} \right)$$

Trường hợp năm bàn giao, tiếp nhận tài sản khác với năm trình cơ quan,

người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản thì cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển, chuyển giao hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ lập phương án xử lý tài sản phải tính bổ sung số hao mòn, khấu hao của thời gian tính từ năm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản đến năm bàn giao, tiếp nhận tài sản giao, điều chuyển, chuyển giao để ghi vào Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản. Mức hao mòn, khấu hao của 01 năm xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này³.

Điều 11. Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được tính hao mòn toàn bộ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của tài sản} \\ \text{kết cấu hạ tầng cấp nước} \\ \text{sạch tính đến ngày 31} \\ \text{tháng 12 năm (n)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá của} \\ \text{tài sản} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số hao mòn lũy kế đến} \\ \text{ngày 31 tháng 12 năm (n)} \end{array}$$

2. Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được trích khấu hao toàn bộ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của tài sản} \\ \text{kết cấu hạ tầng cấp nước} \\ \text{sạch tính đến ngày 31} \\ \text{tháng 12 năm (n)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá của} \\ \text{tài sản} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số khấu hao đã trích đến} \\ \text{ngày 31 tháng 12 năm (n)} \end{array}$$

3. Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung vừa tính hao mòn vừa trích khấu hao được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của tài sản} \\ \text{kết cấu hạ tầng cấp nước} \\ \text{sạch tính đến ngày 31} \\ \text{tháng 12 năm (n)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá của} \\ \text{tài sản} \end{array} - \left[\begin{array}{l} \text{Số hao mòn} \\ \text{lũy kế đến} \\ \text{ngày 31 tháng} \\ \text{12 năm (n)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số khấu hao} \\ \text{đã trích đến} \\ \text{ngày 31} \\ \text{tháng 12 năm} \\ \text{(n)} \end{array} \right]$$

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do cơ quan, đơn vị tiếp nhận lại tài sản khi hết thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (bao gồm cả trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn) theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 4 Thông tư này thì cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại, thời gian tính hao mòn, trích khấu hao còn lại của tài sản phù hợp với quy định tại Điều 9 Thông tư này.⁴

³ Để đảm bảo bao quát đầy đủ các trường hợp phát sinh trong thực tế (năm bàn giao, tiếp nhận tài sản khác với năm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển giao tài sản).

⁴ Tiếp thu ý kiến của Cục QLKT.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản sau khi hết thời gian tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 4 và khoản 6 Điều 5 Thông tư này mà thuộc trường hợp tài sản không phải xác lập quyền sở hữu toàn dân thì giá trị còn lại của tài sản là giá trị đánh giá lại do doanh nghiệp thẩm định giá đánh giá.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch bị mất một phần hoặc bị hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật về bảo trì hạ tầng cấp nước sạch hoặc được khôi phục lại thông qua bảo hiểm, bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan) quy định tại khoản 5 Điều 6 và khoản 5 Điều 7 Thông tư này thì giá trị còn lại của tài sản là giá trị đánh giá lại do doanh nghiệp thẩm định giá đánh giá.

7. Việc thuê doanh nghiệp thẩm định giá, sử dụng chứng thư thẩm định giá và báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan.

Chương IV **KÊ KHAI, BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU** **HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**

Điều 12. Mẫu báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

Mẫu báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số .../2026/NĐ-CP được quy định như sau:

1. Báo cáo kê khai lần đầu theo Mẫu số 01A quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hiện có tại thời điểm Nghị định số .../2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (bao gồm cả tài sản đã báo cáo kê khai lần đầu theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch).

Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phát sinh kể từ ngày Nghị định số .../2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

2. Báo cáo kê khai bổ sung theo Mẫu số 01B, Mẫu số 01C quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin về cơ quan, đơn vị quản lý tài sản hoặc thông tin về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã báo cáo kê khai lần đầu.

Điều 13. Mẫu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

Mẫu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số .../2026/NĐ-CP được quy định như sau:

1. Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo Mẫu số 02A quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo Mẫu số 02B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung, tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đã được tính hao mòn, trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2022 thì từ năm tài chính 2026 thực hiện việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã được theo dõi trên sổ kế toán của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch cấp tỉnh trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành theo quy định tại Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch mà thời gian để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn quy định tại Thông tư này thay đổi so với quy định tại Thông tư số 73/2022/TT-BTC thì từ năm tài chính 2026 thực hiện xác định mức hao mòn hàng năm của tài sản như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hao mòn hàng năm} \\ \text{của tài sản} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của tài sản} \\ \text{tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo sổ kế toán} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản (năm)} \end{array}}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn} \\ \text{còn lại của tài sản (năm)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn của tài} \\ \text{sản cùng loại theo quy định (năm)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thời gian đã sử dụng} \\ \text{của tài sản (năm)} \end{array}$$

Thời gian tính hao mòn của tài sản cùng loại được xác định theo quy định tại Thông tư này.

Riêng mức hao mòn tài sản cho năm cuối cùng thuộc thời gian để tính hao mòn của tài sản được xác định là hiệu số giữa nguyên giá và số hao mòn lũy kế của tài sản đó.

Trường hợp tài sản đã hết thời gian tính hao mòn theo quy định, nhưng tài sản vẫn còn giá trị còn lại thì mức hao mòn của năm 2026 bằng giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã được theo dõi trên sổ kế toán của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản theo quy định tại Thông tư số 73/2022/TT-BTC mà không đủ điều kiện là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư này thì từ năm tài chính 2026 thực hiện điều chỉnh loại khỏi danh mục tài sản cố định và mở sổ theo dõi riêng, không thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 15. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026 và được áp dụng từ năm tài chính 2026.

2. Bãi bỏ Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện việc quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao, kê khai và báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- MTTQ Việt Nam, Liên đoàn TM &CN Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Tạ Anh Tuấn